



Flashcardo.com

Vi håper at disse utskrivbare flashkortene vil være nyttige for deg. For å finne enda flere flashkortprodukter, gå til vår nettside www.flashcardo.com/nb. På Flashcardo.com tilbyr vi nettbaserte flashkort, flashkort med repetisjon over tid, videoflashkort og mye mer. Alt er gratis og klart til bruk for elever over hele verden.

Opphavsrett, lisensnotater

Denne PDF-en er beskyttet av opphavsrett, og alle rettigheter er forbeholdt. Du står fritt til å dele denne PDF-en med hvem som helst. Du har imidlertid ikke lov til å selge denne PDF-en eller innholdet i den. Hvis du har spørsmål, gå til www.flashcardo.com/nb for å komme i kontakt med oss. Tusen takk!

Ansvarsfraskrivelse

DENNE PDF-EN LEVERES "SOM DEN ER", UTEN NOEN FORM FOR GARANTI, VERKEN UTTRYKT ELLER UNDERFORSTÅTT, INKLUDERT, MEN IKKE BEGRENSET TIL, GARANTIER OM SALGBARHET, EGNETHET FOR ET BESTEMT FORMÅL OG IKKE-KRENKELSE. UNDER INGEN OMSTENDIGHETER SKAL FORFATTERNE ELLER RETTIGHETSHAVERNE HOLDES ANSVARLIGE FOR NOEN KRAV, SKADER ELLER ANNEN ANSVARLIGHET, ENTEN I EN RETTSSAK, ERSTATNINGSKRAV ELLER PÅ ANNEN MÅTE, SOM OPPSTÅR FRA, UT AV ELLER I FORBINDELSE MED PDF-EN ELLER BRUKEN ELLER ANDRE FORHOLD KNYTTET TIL PDF-EN.

Opphavsrett © 2025 Flashcardo.com. Alle rettigheter forbeholdt

Tosidig utskrift

Vennligst merk at disse flashkortene er ment å skrives ut tosidig. Hvis skriveren din ikke kan skrive ut tosidig, vennligst last ned de enkeltstående flashkort-PDF-ene for utskrift.

Grunnleggende

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

han

du

jeg

vi

det

hun

hva

de

dere

hvorfor

hvor

hvem

når

hvilken

hvordan

virkelig

hvis

så

ikke

fordi

men

này

đó
vật

tất cả

hoặc

và

đây

đó
địa điểm

trái

phải

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

alle

det

dette

her

og

eller

høyre

venstre

der

formiddag

ettermiddag

nå

kveld

morgen

natt

time

midnatt

middag

dag

sekund

minutt

tuần

tháng

năm

hôm qua

hôm nay

ngày mai

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

år

måned

uke

i morgen

i dag

i går

onsdag

tirsdag

mandag

lørdag

fredag

torsdag

mann

kvinne

søndag

kjæreste

kjæreste

kjærlighet

sex

kyss

venn

trẻ em

con gái
đại cương

con trai
đại cương

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

chồng

vợ

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

gutt

jente

barn

mor

pappa

mamma

sønn

foreldre

far

lillebror

lillesøster

datter

ektemann

storebror

storesøster

alltid

hver

kone

allerede

igjen

faktisk

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

không có

rất

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

mọi người

cùng nhau

khác

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

mer

flest

mindre

på utsiden

veldig

ingen

nær

fjern

på innsiden

ved siden av

over

under

alle

bak

foran

vår

andre

sammen

vinter

høst

sommer

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

bắc

đông

nam

tây

thường xuyên

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

mars

februar

januar

juni

mai

april

september

august

juli

desember

november

oktober

sør

øst

nord

umiddelbart

ofte

vest

selv om

plutselig

Tall

không

một

hai

ba

bốn

năm

sáu

bảy

tám

chín

mười

mười một

mười hai

mười ba

mười bốn

mười năm

mười sáu

mười bảy

mười tám

mười chín

hai mươi

2	1	0
5	4	3
8	7	6
11	10	9
14	13	12
17	16	15
20	19	18

hai mươi mốt

hai mươi hai

hai mươi sáu

ba mươi

ba mươi mốt

ba mươi ba

ba mươi bảy

bốn mươi

bốn mươi mốt

bốn mươi bốn

bốn mươi tám

năm mươi

năm mươi mốt

năm mươi lăm

năm mươi chín

sáu mươi

sáu mươi mốt

sáu mươi hai

sáu mươi sáu

bảy mươi

bảy mươi mốt

26

22

21

33

31

30

41

40

37

50

48

44

59

55

51

62

61

60

71

70

66

bảy mươi ba

bảy mươi bảy

tám mươi

tám mươi mốt

tám mươi bốn

tám mươi tám

chín mươi

chín mươi mốt

chín mươi lăm

chín mươi chín

một trăm

một trăm linh một

một trăm linh năm

một trăm mười

một trăm năm mươi mốt

hai trăm

hai trăm linh hai

hai trăm linh sáu

hai trăm hai mươi

hai trăm sáu mươi hai

ba trăm

80

77

73

88

84

81

95

91

90

101

100

99

151

110

105

206

202

200

300

262

220

ba trăm linh ba

ba trăm linh bảy

ba trăm ba mươi

ba trăm bảy mươi ba

bốn trăm

bốn trăm linh bốn

bốn trăm linh tám

bốn trăm bốn mươi

bốn trăm tám mươi bốn

năm trăm

năm trăm linh năm

năm trăm linh chín

năm trăm năm mươi

năm trăm chín mươi lăm

sáu trăm

sáu trăm linh một

sáu trăm linh sáu

sáu trăm mười sáu

sáu trăm sáu mươi

bảy trăm

bảy trăm linh hai

330

307

303

404

400

373

484

440

408

509

505

500

600

595

550

616

606

601

702

700

660

bảy trăm linh bảy

bảy trăm hai mươi bảy

bảy trăm bảy mươi

tám trăm

tám trăm linh ba

tám trăm linh tám

tám trăm ba mươi tám

tám trăm tám mươi

chín trăm

chín trăm linh bốn

chín trăm linh chín

chín trăm bốn mươi chín

chín trăm chín mươi

một nghìn

một nghìn không trăm linh
một

một nghìn không trăm mười
hai

một nghìn hai trăm ba mươi
bốn

hai nghìn

hai nghìn không trăm linh hai

hai nghìn không trăm hai
mười ba

hai nghìn ba trăm bốn mươi
lăm

770

727

707

808

803

800

900

880

838

949

909

904

1001

1000

990

2000

1234

1012

2345

2023

2002

ba nghìn

ba nghìn không trăm linh ba

bốn nghìn

bốn nghìn không trăm bốn
mười lăm

năm nghìn

năm nghìn sáu trăm bảy
mười tám

sáu nghìn

bảy nghìn

bảy nghìn tám trăm chín
mười

tám nghìn

tám nghìn chín trăm linh một

chín nghìn

chín nghìn không trăm chín
mười

mười nghìn

mười nghìn không trăm linh
một

hai mươi nghìn không trăm
hai mươi

ba mươi nghìn ba trăm

bốn mươi bốn nghìn

một trăm nghìn

năm trăm nghìn

một triệu

4000

3003

3000

5678

5000

4045

7890

7000

6000

9000

8901

8000

10.001

10.000

9090

44.000

30.300

20.020

1.000.000

500.000

100.000

sáu triệu

mười triệu

bảy mươi triệu

một trăm triệu

tám trăm triệu

một tỷ

chín tỷ

mười tỷ

hai mươi tỷ

một trăm tỷ

ba trăm tỷ

một nghìn tỷ

70.000.000

10.000.000

6.000.000

1.000.000.000

800.000.000

100.000.000

20.000.000.000

10.000.000.000

9.000.000.000

1.000.000.000.000

300.000.000.000

100.000.000.000

Verb

biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

yêu

gọi

chờ đợi

đứng

ngồi

đóng

mở
cửa

thua

thắng

å komme

å tenke

å vite

å finne

å ta

å legge

å snakke

å jobbe

å høre

å hjelpe

å like

å gi

å vente

å ringe

å elske

å lukke

å sitte

å stå

å vinne

å tape

å åpne

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

kéo

đẩy

ấn

å slå på

å leve

å dø

å skade

å drepe

å slå av

å drikke

å se på

å røre

å møte

å gå

å spise

å følge

å kysse

å vedde

å spørre

å svare

å gifte

å trykke

å dytte

å trekke

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

thưởng thức

dọn dẹp

bắn

å slåss

å fange

å slå

å lese

å løpe

å kaste

å telle

å fikse

å skrive

å kjøpe

å selge

å kutte

å drømme

å studere

å betale

å feire

å spille

å sove

å skyte

å vaske

å nyte

bảo vệ

tấn công

trộm

đốt

cứu

bay

khắc nhớ

đá
động từ

cẩn

thở

ngủi

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

chia sẻ

cho ăn

trốn

å stjele

å angripe

å forsvare

å fly

å redde

å brenne

å bite

å sparke

å spytte

å gråte

å lukte

å puste

å le

å smile

å synge

å krangle

å krympe

å vokse

å gjemme

å mate

å dele

cảnh báo

bơi

nhảy

nâng

đào

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

nôn

la hét

trích dẫn

in

tính toán

kiếm tiền

å hoppe

å svømme

å advare

å levere

å grave

å løfte

å reise

å øve

å lete etter

å låse

å åpne

å male

å lage mat

å be

å vaske

å sitere

å rope

å spy

å tjene

å beregne

å printe

Adjektiver

mới

cũ

ít

nhiều

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

lớn
to

xinh đẹp

trẻ

già

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

få

gammel

ny

riktig

feil

mange

lykkelig

flink

dårlig

liten

lang

kort

ung

vakker

stor

svart

hvit

gammel

grønn

blå

rød

màu vàng

chậm

nhanh

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

dễ

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

rask

langsom

gul

rettferdig

urettferdig

morsom

rik

lett

vanskelig

svak

sterk

fattig

stolt

sliten

trygg

sunn

syk

mett

høy

lav

sint

ngọt

chua

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

lo lắng

ngạc nhiên

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

màu cam

màu xám

màu nâu

màu hồng

myk

sur

søt

dum

søt

hard

høy

opptatt

gal

overrasket

bekymret

liten

smart

ond

veloppdragen

oransje

varm

kald

rosa

brun

grå

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

đốc

bằng phẳng

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

quyến rũ

lett

tung

kjedelig

tørst

sulten

ensom

flat

bratt

trist

dyp

bred

smal

skitten

enorm

grunn

tom

full

ren

sexy

billig

dyr

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

ướt

khô

ồn ào

yên tĩnh

nắng

nhiều mưa

sương mù
tính từ

nhiều mây

sjenerøs

modig

lat

høyt

tørr

våt

regnfull

solfylt

rolig

overskyet

tåkete

Sport

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

chạy marathon

ba môn phối hợp

bóng bàn

cử tạ

quyền anh

cầu lông

trượt băng nghệ thuật

trượt ván tuyết

trượt tuyết

trượt tuyết băng đồng

khúc côn cầu trên băng

løping

tennis

turn

fotball

golf

sykling

dykking

svømming

basketball

triathlon

maraton

fottur

boksing

vektløfting

bordtennis

snowboarding

kunstløp

badminton

ishockey

langrenn

skiidrett

bóng chuyền

bóng ném

bóng chuyền bãi biển

bóng rugby

bóng gậy

bóng chày

bóng bầu dục Mỹ

bóng nước

nhảy cầu

lướt sóng

đua thuyền buồm

chèo thuyền

yoga

khiêu vũ

nhảy dù

cờ vua

đánh bài poker

bowling

múa ba lê

sandvolleyball

håndball

volleyball

baseball

cricket

rugby

stuping

vannpolo

Amerikansk fotball

roing

seiling

surfing

fallskjermhopping

dans

yoga

bowling

poker

sjakk

ballett

Dyr

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

con rắn

con hổ

con chuột

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

hest

ku

gris

ape

sau

hund

kylling

bjørn

katt

bie

sommerfugl

and

slange

edderkopp

fisk

kanin

mus

tiger

elefant

esel

løve

con chim bồ câu

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

con gấu trúc

con gấu Bắc cực

con chó sói

con gấu túi

con chuột túi

con hươu cao cổ

con cáo

con hà mã

con dơi

con quạ

con thiên nga

mygg

bille

due

hval

maur

flue

snegle

delfin

hai

isbjørn

panda

frosk

kenguru

koala

ulv

flodhest

rev

sjiraff

svane

ravn

flaggermus

con chim hải âu

con cú

con chim cánh cụt

con vẹt

con sâu bướm

con chuồn chuồn

con mực ống

con bạch tuộc

con cá ngựa

con hải cẩu

con sứa

con cua

con khủng long

con rùa cạn

con cá sấu

pingvin

ugle

måke

øyenstikker

larve

papegøye

sjøhest

blekksprut

akkar

krabbe

manet

sel

krokodille

skilpadde

dinosaur

Land

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

Châu Phi

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Amerika

Asia

Europa

Spania

Storbritannia

Afrika

Frankrike

Italia

Sveits

Singapore

Thailand

Tyskland

Israel

Japan

Russland

USA

Kina

India

Chile

Canada

Mexico

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

Sør-Afrika

Argentina

Brasil

Libya

Marokko

Nigeria

Egypt

Algerie

Kenya

Australia

New Zealand

Kropp

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

cổ

mông

vai

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

hår

nese

hode

øye

øre

munn

hjerne

føt

hånd

rumpe

hals

hjerne

bein

kne

skulder

barm

mage

arm

tunge

tann

rygg

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

trán

cằm

má
cơ thể

râu

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

móng tay

gót chân

xương sống

tå

finger

leppe

lever

lunge

magesekk

tarm

nyre

nerve

kinn

hake

panne

lillefinger

tommel

skjegg

pekefinger

langfinger

ringfinger

ryggrad

hæl

fingernegl

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàng quang

tĩnh mạch

động mạch

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

skjelett

bein

muskel

blære

virvler

ribbein

vagina

arterie

blodåre

testikkel

penis

sperm

Hus

cửa

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

thùng rác

tô

bàn
văn phòng

bad

kjøkken

dør

hage

soverom

stue

kjeller

vegg

garasje

tak

trapp

toalett

kopp

kniv

vindu

beger

tallerken

glass

pult

bolle

søppelbøtte

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hàng xóm

thang máy

ban công

gác xép

ống khói

muỗng gỗ

đũa

bộ dao nĩa

muỗng

nĩa

cái vá

nồi

chảo

dusj

speil

seng

klokke

bilde

sofa

nabo

stol

bord

loft

balkong

heis

spisepinne

sleiv

skorstein

gaffel

skje

bestikk

panne

gryte

øse

bóng đèn

giá sách

rèm

nệm

gối

chăn

kệ

ngăn kéo

tủ quần áo

xô

chổi

cái cân

giỏ đựng đồ giặt

bồn tắm

khăn tắm
to lớn

xà phòng

giấy vệ sinh

khăn tắm
nhỏ bé

bồn rửa mặt

cái thang

hộp thư

gardin

bokhylle

lyspære

teppe

pute

madrass

garderobe

skuff

hylle

vekt

kost

bøtte

badehåndkle

badekar

skittentøyskurv

håndkle

toalettpapir

såpe

postkasse

stige

vask

hàng rào



Mat

trứng

phô mai

sữa

cá

thịt

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

nước

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

melk

ost

egg

bein

kjøtt

fisk

sukker

brød

olje

kake

godteri

sjokolade

te

kaffe

vann

salat

vin

øl

frokost

dessert

suppe

bữa trưa

bữa tối

pizza

kem

bơ

sữa chua

cá ngừ

cá hồi

giăm bông

thịt ba rọi

xúc xích

thịt gà tây

thịt gà

thịt bò

thịt heo

thịt cừu

bí ngô

nấm

nấm cục

tỏi

tỏi tây

pizza

middag

lunsj

yoghurt

smør

iskrem

skinke

laks

tunfisk

kalkun

pølse

bacon

svin

storfe

kylling

sopp

gresskar

lam

purre

hvitløk

trøffel

gừng

cà tím

khoai lang

cà rốt

dưa chuột

ớt

ớt chuông

củ hành

khoai tây

bông cải trắng

bắp cải

bông cải xanh

xà lách

rau chân vịt

tre

ngô

cần tây

đậu Hà Lan

hạt đậu

quả lê

quả táo

søtpotet

aubergine

ingefær

chili

agurk

gulrot

potet

løk

paprika

brokkoli

kål

blomkål

bambus

spinat

salat

ert

selleri

mais

eple

pære

bønne

quả ô liu

quả sung

quả chà là

quả dừa

quả hạnh nhân

hạt phỉ

đậu phộng

quả chuối

quả xoài

quả kiwi

quả bơ

quả dưa

dưa hấu

quả nho

dưa gang

quả mâm xôi

quả việt quất

quả dâu tây

quả anh đào

quả mận

quả mơ

daddel

fiken

oliven

hasselnøtt

mandel

kokosnøtt

mango

banan

peanøtt

ananas

avokado

kiwi

honningmelon

drue

vannmelon

jordbær

blåbær

bringebær

aprikos

plomme

kirsebær

quả đào

quả chanh

quả bưởi

quả cam

cà chua

bạc hà

sả

quế

vani

muối

tiêu

cà ri

thuốc lá
thực vật

đậu hũ

giấm

mì sợi

sữa đậu nành

bột mì

gạo

yến mạch

lúa mì

grapefrukt

sitron

fersken

mynte

tomat

appelsin

vanilje

kanel

sitrongress

karri

pepper

salt

eddik

tofu

tobakk

mel

soyamelk

nudel

hvete

havre

ris

đậu nành

hạt

mật ong

mứt

kẹo cao su

bánh kẹp

bánh quy

bánh pudding

bánh muffin

bánh rán vòng

nước tăng lực

nước cam

nước táo

sữa lắc

coca cola

sô cô la nóng

rượu cocktail

rượu rum

rượu whisky

rượu vodka

thực đơn

honning

nøtt

soya

pannekake

tyggegummi

syltetøy

muffins

pudding

kjeks

appelsinjuice

energidrikk

smultring

cola

milkshake

eplejuice

rom

cocktail

kakao

meny

vodka

whisky

hải sản

mì Ý

sushi

bắp rang bơ

khoai tây lát mỏng

cánh gà

khoai tây chiên

mù tạt

sốt mayonnaise

nước sốt cà chua

bánh mì kẹp

bánh mì kẹp xúc xích

bánh burger

sushi

spagetti

sjømat

kyllingvinger

potetgull

popkorn

majones

sennep

pommes frites

pølse i brød

sandwich

tomatsaus

burger

Skole

sách

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

cây bút

bút chì

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

ngiên cứu

bằng cấp

sân thể thao

từ điển

học kì

sổ tay

hình học

hjemmelekser

bibliotek

bok

naturfag

time

eksamen

penn

kunst

historie

andre

første

blyant

forskning

fjerde

tredje

ordbok

idrettsplass

akademisk grad

geometri

notisbok

semester

chính trị học

triết học

kinh tế học

giáo dục thể chất

sinh học

toán học

địa lý

văn học

hóa học

vật lý

cải thước

cục tẩy

cái kéo

băng dính

keo dán

bút bi

kẹp giấy

ba phần trăm

một trăm phần trăm

không phần trăm

mét khối

økonomi

filosofi

politikk

matematikk

biologi

kroppsøving

kjemi

litteratur

geografi

viskelær

linjal

fysikk

lim

teip

saks

3%

binders

kulepenn

kubikkmeter

0%

100%

mét vuông

dặm

mét

mi-li-mét

xen-ti-mét

đề-xi-mét

phép cộng

phép trừ

phép nhân

phép chia

diện tích

thể tích

hình chữ nhật

hình vuông

tam giác

hình tròn

lít

mililít

tấn

kilôgam

gram

meter

mil

kvadratmeter

desimeter

centimeter

millimeter

multiplikasjon

subtraksjon

addisjon

volum

areal

divisjon

trekant

kvadrat

rektangel

milliliter

liter

sirkel

gram

kilo

tonn

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

phòng thí nghiệm

bài giảng

trakt

mikroskop

magnet

foredrag

laboratorium

Natur

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

đại dương

biển

băng

tuyết

diamant

ild

aske

stjerne

sol

måne

innsjø

kyst

planet

bakke

ørken

skog

dal

elv

stein

hav

øy

fjell

snø

is

sjø

bão táp

mưa

gió

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

kim loại

đất

dung nham

than

cát

đất sét

tên lửa

vệ tinh

thiên hà

tiểu hành tinh

lực địa

đường Xích đạo

Nam cực

Bắc cực

vind

regn

storm

rose

gress

tre

jord

metall

blomst

sand

kull

lava

satellitt

rakett

leire

kontinent

asteroide

galakse

nordpol

sydpol

ekvator

suối

rừng nhiệt đới

hang

thác nước

bờ biển
con sông

sông băng

động đất

miệng núi lửa

núi lửa

khí quyển

lũ lụt

sương mù
danh từ

cầu vồng

tiếng sấm

tia chớp

cơn dông

nhiệt độ

bão nhiệt đới

bão

mây

cành cây

hule

regnskog

bekk

isbre

breidd

foss

vulkan

krater

jordskjelv

tåke

oversvømmelse

atmosfære

lyn

torden

regnbue

tyfon

temperatur

tordenvær

grein

sky

orkan

lá cây

rễ cây

thân cây

hạt giống

nhựa

cacbon đioxit

nguyên tử

sắt

ôxy

vàng

bạc

stamme

rot

blad

karbondioksid

plast

frø

oksygen

jern

atom

sølv

gull

Transport

xe hơi

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

ắc quy

động cơ
xe hơi

túi khí

vô-lăng

dây an toàn

lốp xe

cốp sau

tog

buss

bil

fly

busstopp

togstasjon

sykkel

lastebil

skip

trafikklys

drosje

motorsykkel

batteri

vei

parkeringsplass

ratt

airbag

motor

bagasjerom

dekk

setebelte

máy bán vé

phòng bán vé

tàu điện ngầm

tàu cao tốc

đầu máy

xe điện

xe buýt trường học

xe buýt nhỏ

sân bay

hãng hàng không

máy bay trực thăng

hạng nhất

hạng phổ thông

hạng thương gia

áo phao

công ten nơ

tàu ngầm

tàu du lịch

tàu chở hàng

du thuyền

phà

T-bane

billettkontor

billettautomat

trikk

lokomotiv

høyhastighetstog

flyplass

minibuss

skolebuss

førsteklasse

helikopter

flyselskap

redningsvest

businessklasse

økonomiklasse

cruiseskip

ubåt

container

ferje

yacht

containerskip

hải cảng

xuồng cứu sinh

ra đa

đèn đường

vĩa hè

trạm xăng

công trường

vạch qua đường

tắc đường

đường cao tốc

xe tăng

máy xúc

máy kéo

rơ-moóc

xe tay ga

xe cáp treo

radar

livbåt

havn

bensinstasjon

fortau

gatelykt

trafikkork

fotgjengerfelt

byggeplass

gravemaskin

stridsvogn

motorvei

scooter

tilhenger

traktor

taubane

By

bệnh viện

trường học

nhà ở

hóa đơn

chợ

siêu thị

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

hus

skole

sykehus

supermarked

marked

regning

gård

universitet

leilighet

bar

restaurant

kirke

toalett

park

gym

politi

ambulanse

kart

forstad

land

brannvesen

ngôi làng

bảo hành

trung tâm mua sắm

tiệm thuốc

tòa nhà chọc trời

lâu đài

đại sứ quán

giáo đường Do Thái

ngôi đền

nhà máy

nhà thờ Hồi giáo

tòa thị chính

bưu điện

đài phun nước

câu lạc bộ đêm

băng ghế

sân golf

sân bóng đá

hồ bơi
tòa nhà

sân quần vợt

thông tin du lịch

kjøpesenter

garanti

landsby

slott

skyskraper

apotek

tempel

synagoge

ambassade

rådhus

moské

fabrikk

nattklubb

fontene

postkontor

fotballstadion

golfbane

benk

turistinformasjon

tennisbane

svømmebasseng

sòng bạc

phòng triển lãm nghệ thuật

bảo tàng

công viên quốc gia

quà lưu niệm

thủy cung

trượt nước

tàu lượn siêu tốc

công viên nước

vườn bách thú

sân chơi

cửa thoát hiểm
tòa nhà

chuông báo cháy

bình cứu hỏa

đồn cảnh sát

tiểu bang

khu vực

thủ đô

museum

kunstgalleri

kasino

akvarium

suvenir

nasjonalpark

vannpark

berg og dalbane

vannsklie

nødutgang

lekeplass

dyrehage

politistasjon

brannslukker

brannalarm

hovedstad

region

stat

Sykehus

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

ho

phòng cấp cứu

khoa hồi sức tích cực

phòng chờ

thuốc aspirin

thuốc ngủ

ngày hết hạn

liều lượng

si-rô ho

tác dụng phụ

insulin

bột

viên nhộng

vitamin

thuốc giảm đau

kháng sinh

operasjon

pasient

ulykke

hoste

feber

pille

venterom

intensivavdeling

legevakt

utløpsdato

sovepille

aspirin

bivirkning

hostesaft

dosering

kapsel

pulver

insulin

antibiotika

smertestillende middel

vitamin

vi khuẩn

vi rút

đau tim

tiêu chảy

tiểu đường

đột quỵ

hen suyễn

ung thư

cúm

đau răng

cháy nắng

viêm họng

đau bụng

nhiễm trùng

dị ứng

chuyết rút

đau đầu

ống tiêm

nặng

chụp X quang

máy siêu âm

hjerteinfarkt

virus

bakterie

hjerneslag

diabetes

diaré

influensa

kreft

astma

sår hals

solbrenthet

tannverk

allergi

infeksjon

mageknip

sprøyte

hodepine

krampe

ultralysmaskin

røntgenbilde

krykke

bó bột
nhỏ bé

xe lăn

bó bột
gãy xương

mạch

chấn thương

cấp cứu

chấn động

vết bỏng

gãy xương

thuốc tránh thai

thử thai

gips

rullestol

plaster

nødsituasjon

skade

puls

brudd

brannså

hjernerystelse

graviditetstest

P-pille

Jobber

bác sĩ

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

người mẫu

nghệ sĩ

thủ tướng

dược sĩ

politimann

sykepleier

doktor

detektiv

kaptein

president

lærer

professor

pilot

assistent

sekretær

advokat

kokk

sjef

dommer

modell

bussjåfør

drosjesjåfør

farmasøyt

statsminister

artist

lính cứu hỏa
người

nha sĩ

doanh nhân

chính trị gia

lập trình viên

tiếp viên hàng không

nhà khoa học

giáo viên mầm non

kiến trúc sư

kế toán viên

tư vấn viên

công tố viên

tổng quản lý

vệ sĩ

chủ nhà

bồi bàn

nhân viên bảo vệ

bộ đội

ngư dân

nhân viên vệ sinh

thợ sửa ống nước

entreprenør

tannlege

brannmann

flyvertinne

programmerer

politiker

arkitekt

barnehagelærer

forsker

aktor

konsulent

regnskapsfører

huseier

livvakt

daglig leder

soldat

sikkerhetsvakt

kelner

rørlegger

rengjører

fisker

thợ điện

nông dân

lễ tân

người đưa thư

thu ngân

thợ làm tóc

tác giả

nhà báo

nhà nhiếp ảnh gia

nhân viên cứu hộ

ca sĩ

nhạc sĩ

diễn viên

phóng viên

huấn luyện viên

trọng tài

resepsjonist

bonde

elektriker

frisør

kasserer

postbud

fotograf

journalist

forfatter

musiker

sanger

badevakt

trener

reporter

skuespiller

dommer

Forretninger

tiền

văn phòng

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

số điện thoại

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

stress

kontor

penger

avdeling

personale

forsikring

brev

adresse

lønn

e-postadresse

url

telefonnummer

signatur

e-post

nettside

kunde

fortjeneste

tap

passord

kredittkort

beløp

máy rút tiền

thuế

phòng họp

danh thiếp

công nghệ thông tin

nhân sự

bộ phận pháp lý

kế toán

tiếp thị

bán hàng

đồng nghiệp

người sử dụng lao động

nhân viên
người

chú thích

thuyết trình

bìa cứng

con dấu cao su

máy chiếu

bưu kiện

con tem

phong bì

møterom

avgift

minibank

personalavdeling

IT

visittkort

markedsføring

regnskap

juridisk avdeling

arbeidsgiver

kollega

salg

presentasjon

notat

ansatt

projektor

stempel

perm

konvolutt

frimerke

pakke

trình duyệt

đầu tư

sàn giao dịch chứng khoán

tiền giấy

tiền xu

tiền lãi

khoản vay

số tài khoản

tài khoản ngân hàng

børs

investering

nettleser

rente

mynt

seddel

bankkonto

kontonummer

lån

Apparater

điện thoại

bộ tivi

máy ảnh

đài radio

quạt

máy điều hòa

máy pha cà phê

máy nướng bánh mì

máy hút bụi

máy sấy tóc

ấm đun nước

máy rửa chén

bếp điện

lò nướng

lò vi sóng

tủ lạnh

máy giặt

điều khiển từ xa

tai nghe

chuột

bàn phím

kamera

fjernsynsapparat

telefon

klimaanlegg

vifte

radio

støvsuger

brødrister

kaffetrakter

oppvaskmaskin

vannkoker

hårføner

mikrobølgeovn

ovn

komfyr

fjernkontroll

vaskemaskin

kjøleskap

tastatur

mus

øretelefon

ổ cứng

thanh USB

máy quét

máy in

màn hình

máy tính xách tay

rô bốt

loa

skanner

minnepenn

harddisk

laptop

skjerm

printer

høyttaler

robot